TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2021

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thuận Quang

2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Dương Phúc Trường – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà***: Ông Võ Văn Tánh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 510/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐXX-ST ngày 21/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HPT ngày 12/01/2021giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1996

Địa chỉ thường trú: 132/2A7 THĐ, Phường P, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Đặng Hoàng N, sinh năm 1989

Địa chỉ thường trú: 132/2A7 THĐ, Phường P, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đang chấp hành án tại Trại giam TĐ – Địa chỉ: Thôn A, xã TĐ, huyện HT, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Bà và ông Huỳnh Đặng Hoàng N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, không có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 cấp ngày 09/9/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống tại nhà thuê, sau khi bà T sinh con thì vợ chồng chuyển về ở tại nhà của cha mẹ chồng. Đời sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên thường xuyên gây cãi nhau về vấn đề kinh tế do thu nhập của vợ chồng không đủ trang trãi cuộc sống, ông N không chăm lo làm việc phát triển kinh tế gia đình, không hỗ trợ bà T trong việc chăm sóc, giáo dục con mà còn thường xuyên đi chơi với bạn bè, bà T phải vừa làm kiếm tiền, vừa chăm con rất vất vả. Bà T nhiều lần khuyên nhủ và tạo điều kiện để ông N thay đổi tính tình nhưng không có kết quả nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến tháng 7 năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt, bà T không thể tiếp tục chung sống với ông N nữa nên đã cùng con chuyển về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Trà Vinh sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà T xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với ông Huỳnh Đặng Hoàng N, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông N có với nhau 01 con chung tên Huỳnh Bảo M, sinh ngày 23/02/2015. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Huỳnh Đặng Hoàng N đang chấp hành án tại Trại giam TĐ thuộc xã TĐ, huyện HT, tỉnh Bình Thuận theo Bản án hình sự sơ thẩm số 136/2017/HSST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tại bản tự khai ngày 27/11/2020, ông N trình bày thống nhất với bà T về thời gian kết hôn, chung sống, ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Ngoài ra ông N cho rằng nguyên mâu thuẫn vợ chồng còn do bà T có mối quan hệ bất hòa với gia đình bên chồng ngay từ khi bắt đầu chung sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau, ông N thừa nhận bản thân không có sự chia sẻ và quan tâm đến vợ nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt không giải quyết được. Ông N xác định thời gian vợ chồng ly thân đã lâu và hiện nay không còn tình cảm với bà T nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông N xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Bảo M, sinh ngày 23/02/2015. Khi ly hôn ông N đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, ông N không cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, trường hợp sau khi ông N chấp hành xong hình phạt tù, nếu bà T nuôi dạy không đảm bảo sự phát triển bình thường của con thì ông N sẽ yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T và bị đơn ông Huỳnh Đặng Hoàng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không có yêu cầu hay ý kiến khác, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Đặng Hoàng N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông N. Về con chung: Giao trẻ Huỳnh Bảo M, sinh ngày 23/02/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng T thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T đối với bị đơn ông Huỳnh Đặng Hoàng N có hộ khẩu thường trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T và bị đơn ông Huỳnh Đặng Hoàng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Đặng Hoàng N phát sinh từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2015 do ông N thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi, không chăm lo làm việc phát triển kinh tế gia đình, hơn nữa còn không quan tâm, chăm sóc vợ, con, mặc dù bà T đã nhiều lần khuyên nhủ ông N thay đổi tính tình nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt từ tháng 07 năm 2016, hai bên bất đồng quan điểm về mọi mặt, không còn yêu thương, quan

tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Phía bị đơn ông Huỳnh Đặng Hoàng N trình bày thống nhất với bà T về thời gian kết hôn, chung sống, ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Ngoài ra nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng còn do giữa bà T và gia đình bên chồng có mối quan hệ bất hòa làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng. Ông N xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà T nên đồng ý ly hôn.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*" nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp nhau về nhiều mặt, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng vun đắp cho cuộc sống gia đình. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và đã ly thân từ tháng 07 năm 2016 cho đến nay. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Đặng Hoàng N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

[6]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Đặng Hoàng N có với nhau 01 con chung tên Huỳnh Bảo M, sinh ngày 23/02/2015. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên. Đồng thời, ông N đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Huỳnh Bảo M đang được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 07 năm 2016 cho đến nay, mặt khác ông N đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên vì lợi ích về mọi mặt của trẻ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Huỳnh Bảo M cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[7]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Đặng Hoàng N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Đặng Hoàng N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 189 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng T đối với ông Huỳnh Đặng Hoàng N.

2. Về con chung: Giao trẻ Huỳnh Bảo M, sinh ngày 23/02/2015 cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu ông Huỳnh Đặng Hoàng N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Đặng Hoàng N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Nguyễn Thị Hồng T.

Ông Huỳnh Đặng Hoàng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Huỳnh Đặng Hoàng N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Hồng T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Huỳnh Đặng Hoàng N.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Đặng Hoàng N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được tính vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010640 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 118 do Ủy ban nhân dân Phường P, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Đặng Hoàng N ngày 09/9/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Huỳnh Đặng Hoàng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bình